

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Bảo hiểm thất nghiệp
Tháng 04 năm 2021

Kính gửi: - Cục Việc làm, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sơn La.

I. Tình hình tiếp nhận và giải quyết các chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

TT	Nội dung			Số lượng	Lũy kế
1	Số người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (TCTN) (người)			349	1763
	Trong đó: số người ở địa phương khác nộp hồ sơ đề nghị hưởng TCTN (người)			256	511
2	Số người nộp hồ sơ nhưng không đủ điều kiện hưởng TCTN (người), không có nhu cầu hưởng			33	40
3	Số người có quyết định hưởng TCTN hàng tháng (người)	Tổng		278	1662
		Nam	< = 24 tuổi	11	35
			25 - 40 tuổi	95	467
			> 40 tuổi	38	227
		Nữ	< = 24 tuổi	14	50
			25 - 40 tuổi	93	602
			> 40 tuổi	27	281
4	Số người bị hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (người)			1	12
35	Số người chuyển nơi hưởng TCTN (người)	Chuyển đi	1	9	
		Chuyển đến	1	2	
6	Số người tạm dừng trợ cấp thất nghiệp (người)			6	26
7	Số người tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (người)			2	8
8	Số người chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (người)	Tổng		189	947
		Trong đó: Hết thời gian hưởng		184	922
		Trong đó: Có việc làm		5	23
		Trong đó: Không thông báo tìm kiếm VL trong 03			

		tháng liên tục			
		Trong đó: Bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo hiểm thất nghiệp			
		Khác	0	2	
9	Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm (người)		349	1763	
	Trong đó: số người được giới thiệu việc làm (người)		5	5	
10	Số người có quyết định hỗ trợ học nghề(người)	Tổng	2	3	
		Trong đó: số người đang hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề	2	3	
11	Số người hủy quyết định hỗ trợ học nghề (người)				
12	Số tiền chi trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề theo quyết định (triệu đồng)	Tổng	4041	29136	
		Số tiền chi trợ cấp thất nghiệp	4035	29127	
		03 tháng – 06 tháng	Số quyết định	177	735
			Số tiền chi TCTN	1668	6998
		Trong đó: QĐ 3 tháng	Số quyết định	124	465
			Số tiền chi TCTN	1024	3696
		07 tháng – 12 tháng	Số quyết định	101	927
			Số tiền chi TCTN	2367	22129
		Số tiền chi hỗ trợ học nghề	6	9	
		Số tiền chi đối với người đang hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề	6	9	
Số tiền chi đối với người không thuộc diện đang hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề					
13	Mức hưởng TCTN bình quân (triệu đồng)		2.5		
14	Số người lao động có mức hưởng TCTN tối đa (người)				
15	Số tháng hưởng TCTN bình quân (tháng)		5.9		

II. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, các giải pháp và các kiến nghị:

cấp thất nghiệp cho người lao động. Giải quyết đúng, đầy đủ, kịp thời các thủ tục liên quan đến chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

- Nắm bắt các thông tin phản hồi từ phía người lao động, người sử dụng lao động. Tổng hợp, phân tích, đánh giá những việc đã làm được, những vấn đề còn tồn tại, các giải pháp tốt trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Việc phối hợp thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp giữa trung tâm với bảo hiểm xã hội tỉnh, các ban ngành luôn được quan tâm và tương đối chặt chẽ, được tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc thực hiện chính sách Bảo hiểm thất nghiệp.

- Phối hợp chặt chẽ với bảo hiểm xã hội tỉnh trong việc chi trả trợ cấp thất nghiệp cho người lao động và phát hiện các trường hợp có việc làm kịp thời. cùng với việc tra cứu trên cổng thông tin bảo hiểm xã hội phục vụ cho công tác thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, ngăn ngừa, khắc phục tình trạng trục lợi bảo hiểm thất nghiệp.

Phối hợp với hệ thống ngân hàng trong tỉnh trong việc tạo điều kiện thuận lợi cung cấp thẻ ATM cho lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện chính sách BHTN vẫn còn nhiều khó khăn như việc tuyển dụng, kí kết hợp đồng lao động ở một số doanh nghiệp, đơn vị còn chưa chặt chẽ về thời gian thử việc và làm việc chính thức, cung cấp hợp đồng lao động đến tay người lao động còn chậm, đóng BHTN chưa đầy đủ, kịp thời cho người lao động. nhiều lao động còn chưa tự giác thông báo về việc mình đã có việc làm vì vậy việc thực hiện thủ tục chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp cho người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Cổng thông tin bảo hiểm xã hội vẫn còn trường hợp chưa cung cấp thông tin kịp thời về tham gia bảo hiểm xã hội của lao động nhiều lúc không cập nhật được do bị lỗi, vì vậy việc phát hiện lao động có việc làm chưa được triệt để. . Việc tư vấn giới thiệu việc làm giúp người lao động sớm quay lại thị trường lao động tuy nhiên hiệu quả của công tác này vẫn còn rất thấp...(Nguyên nhân: do dịch bệnh covid đã ảnh hưởng nhiều đến việc tiếp tục tham gia vào thị trường lao động của người lao động. Sơn La chưa có nhiều các nhà máy công nghiệp, thị trường lao động chưa đa dạng phong phú. Lao động thất nghiệp đến trung tâm nhu cầu tìm kiếm việc làm chưa cao, người lao động phần lớn không muốn đi nhiều phòng chuyên môn để giải quyết chế độ). Số lượng người đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp ngày càng tăng, có nhiều biểu hiện ngày càng phức tạp(trục lợi...) mà số cán bộ thực hiện chính sách BHTN do cục việc làm giao còn ít vì vậy chưa phân chia phòng BHTN thành các bộ phận chuyên biệt để giải quyết trình chính sách BHTN đạt hiệu quả cao hơn.

Một số giải pháp triển khai thực hiện trong thời gian tới như sau:

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan liên quan để thực hiện tốt chính sách Bảo hiểm thất nghiệp. xây dựng quy trình phối hợp với bảo hiểm xã hội trong công tác giải quyết chế độ, chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho người lao động.

Trong tháng 04 năm 2021 tình hình lao động thất nghiệp tỉnh Sơn La có những biến động cụ thể như sau:

- Trong tháng số lao động đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp dần ổn định do không còn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 lao động nghỉ việc chủ yếu do hết hạn hợp đồng lao động; chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trước thời hạn do công việc không đảm bảo, công nhân nghỉ việc để về gần gia đình, do sức khỏe yếu xin nghỉ trước đợi hưởng lương hưu; Một số do doanh nghiệp, tổ chức giải thể, phá sản, thay đổi cơ cấu làm việc; Không có lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật. Lao động đi làm ở ngoại tỉnh chấm dứt hợp đồng lao động chiếm 73 %.

- Chuyên môn của người lao động thất nghiệp xảy ra ở các trình độ khác nhau trình độ cụ thể trong đó chủ yếu là lao động không có bằng cấp chứng chỉ chiếm 81% nên hay thay đổi công việc; đại học chiếm 6%; số còn lại có bằng cấp chứng chỉ nhưng chủ yếu là trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp hoặc có chứng nhận chứng chỉ nghề sơ cấp, cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp. Trong tháng có số người đề nghị không hưởng trợ cấp thất nghiệp tăng do rút hồ sơ về để tiếp tục đi làm, nhiều lao động có nhiều mã số sổ bảo hiểm xã hội nên đã rút hồ sơ về để thực hiện gộp các sổ bảo hiểm xã hội.

- Nghề nghiệp trước khi người lao động thất nghiệp chủ yếu là nghề trong lĩnh vực nông lâm nghiệp điện, điện tử, may, thêu, dệt, thợ lắp ráp, sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, nhân viên nấu ăn, lễ tân, nhân viên phục vụ trong các trường học, nhà hàng, khách sạn, và nhóm ngành nghề khác... trong đó công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 56%.

- Trong tháng dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát nhưng lao động khi đến trung tâm vẫn phải thực hiện đầy đủ các bước trong phòng tránh dịch bệnh như đeo khẩu trang, sát khuẩn tay trước khi làm việc, tuyên truyền về dịch bệnh và các phòng tránh dịch bệnh cho bản thân và cộng đồng. Thực hiện giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quan điểm chỉ đạo của nghị quyết 42 của chính phủ như tiếp nhận hồ sơ, thông báo tìm việc làm qua đường bưu điện (nếu như lao động có yêu cầu) cũng như theo thông báo số 50 ngày 01/02/2021 của trung tâm để hướng dẫn trong tiếp nhận hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp khi chưa công bố hết dịch.

- Công tác tư vấn giới thiệu cho người lao động thất nghiệp trở lại thị trường lao động, tổ chức tư vấn học nghề để chuyển đổi nghề, nâng cao tay nghề cho lao động vẫn được thực hiện để giúp lao động sớm tiếp tục tham gia vào thị trường lao động.

- Quá trình tổ chức triển khai thực hiện Trung tâm luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, bố trí 02 điểm văn phòng đại diện tại các huyện trong tỉnh để tiếp nhận hồ sơ giải quyết chế độ trợ

- Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách bảo hiểm thất nghiệp trong đó có phổ biến về nghị định 61/NĐ-CP ngày 29/05/2020 các cán bộ làm công tác chuyên môn. Tuyên truyền với người lao động, người sử dụng lao động trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tăng cường công tác cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn giới thiệu cho người lao động thất nghiệp trở lại thị trường lao động, tổ chức tư vấn học nghề để chuyển đổi nghề, nâng cao tay nghề để phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho lao động trong việc nộp hồ sơ, thông báo về việc tìm kiếm việc làm trong thời điểm dịch bệnh... tuy nhiên vẫn phải đảm bảo đầy đủ chế độ cho người lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp.

- Tiếp tục phối hợp hoàn thiện việc kết nối cơ sở dữ liệu về Bảo hiểm thất nghiệp với cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện giải quyết các chế độ bảo hiểm thất nghiệp được tốt hơn.

Kiến nghị

- Đề nghị Cục Việc làm (Bộ lao động – Thương binh và Xã hội) giao thêm định xuất lao động để Trung tâm bố trí cán bộ trong quá trình giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

+ Hỗ trợ kinh phí tư vấn giới thiệu việc làm, tổ chức giao dịch việc làm, thông tin, tuyên truyền, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động BHTN.

+ Cấp kinh phí để cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, đầu tư thêm trang thiết bị làm việc tại Trung tâm để thuận lợi cho công tác tiếp nhận, giải quyết và lưu trữ hồ sơ theo mô hình, tổ chức hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm.

Trên đây là báo cáo tháng 04 năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Sơn La về tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BHTN.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Hồng Duyên

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lô Thị Anh Hoa

Sơn La, ngày 04 tháng 05 năm 2021

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ VIỆC

Thực hiện các chế độ bảo hiểm thất nghiệp tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Cục việc làm - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

(Trung tâm Quốc gia về Dịch vụ việc làm)

I. Thông tin về tham gia bảo hiểm thất nghiệp

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG
1	Số doanh nghiệp, tổ chức tham gia bảo hiểm thất nghiệp (đơn vị)	3.045
2	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (người lao động)	49.846

II. Thông tin về người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp

STT	NỘI DUNG		SỐ LƯỢNG
I	HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG/HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRƯỚC KHI THẤT NGHIỆP (số người)		
1	Hợp đồng lao động từ 3 tháng đến dưới 12 tháng		0
2	Hợp đồng lao động từ 12 đến 36 tháng		141
3	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn		205
4	Hợp đồng làm việc		3
II	NGUYÊN NHÂN THẤT NGHIỆP (số người)		
1	Do doanh nghiệp, tổ chức giải thể, phá sản, thay đổi cơ cấu...		40
2	Hết hạn hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc		97
3	Chấm dứt hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc trước thời hạn		209
4	NLĐ bị xử lý kỷ luật, sa thải		3
5	Do <u>đơn phương chấm dứt</u> <u>chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật</u>		
6	Mất việc làm do nguyên nhân khác		0
III	GIỚI TÍNH, ĐỘ TUỔI CỦA NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP (số người)		
1	Nam	Dưới 35 tuổi	101

		Từ 35 tuổi trở lên	46
2	Nữ	Dưới 35 tuổi	148
		Từ 35 tuổi trở lên	54
IV	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CỦA NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP (số người)		
1	Người lao động không có bằng cấp chứng chỉ		283
2	Người lao động có chứng nhận, chứng chỉ nghề sơ cấp		2
3	Trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp		23
4	Cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp		19
5	Đại học và trên đại học		22
V	NGHỀ NGHIỆP TRƯỚC KHI NGƯỜI LAO ĐỘNG THẤT NGHIỆP (số người)		
1	Kế toán		4
2	Nhân viên bán hàng		12
3	Tư vấn tài chính, đầu tư		2
4	Giao dịch viên ngân hàng		0
5	Phân tích phát triển phần mềm và các ứng dụng		1
6	Kỹ thuật xây dựng		0
7	Kỹ thuật viên điện tử		0
8	Luật sư		0
9	Bác sỹ y khoa		0
10	Giáo viên dạy nghề		1
11	Lao động trồng trọt và làm vườn		38
12	Đầu bếp		1
13	Hướng dẫn viên du lịch		0
14	Thợ hàn		0
15	Thợ may, thêu và các thợ có liên quan		52
16	Thợ lắp ráp		92
17	Lái xe khách, xe tải, xe máy		2
18	Người quét dọn và giúp việc gia đình, khách sạn và văn phòng		5
19	Nhân viên dịch vụ bảo vệ		8

20	Người đưa tin, người giao hàng	0
21	Nghề nghiệp khác	131
VI	NGHÀNH LÀM VIỆC TRƯỚC KHI HƯỞNG TCTN	
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	44
2	Khai khoáng	1
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	197
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hòa không khí	0
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	1
6	Xây dựng	15
7	Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4
8	Vận tải, kho bãi	1
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	4
10	Thông tin và truyền thông	0
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	4
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	0
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	1
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	0
15	Hoạt động của ĐCS, tổ chức CT – XH, QLNN, ANQP, BDXH bắt buộc	2
16	Giáo dục và đào tạo	10
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	0
19	Hoạt động dịch vụ khác	64
20	Hoạt động làm thuê và các công việc trong hộ gia đình	0
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	0
VII	LOẠI HÌNH TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP NGƯỜI THẤT NGHIỆP ĐÃ LÀM VIỆC TRƯỚC KHI HƯỞNG TCTN (số người)	
1	Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội	9
2	Doanh nghiệp nhà nước	17
3	Doanh nghiệp tư nhân	163
4	Doanh nghiệp nước ngoài (FDI).	160
5	Hợp tác xã	0

6	Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, hộ kinh doanh	0
VIII	DOANH NGHIỆP THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP, KCX (số người)	
1	Doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp, khu chế xuất	178
2	Doanh nghiệp không thuộc KCN, KCX	171
IX	HỖ TRỢ HỌC NGHỀ	
1	Tổng số người hoàn thành khóa học nghề	2
2	Số người tìm được việc làm bằng nghề đã được hỗ trợ học nghề	1
X	NGHỀ ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC NGHỀ (số người)	
1	Lái xe ô tô	2
2	Sửa chữa xe máy/ Ô tô	
3	May mặc, da giày	
4	Thiết kế/ Quảng cáo	
5	Điện công nghiệp	
6	Điện dân dụng	
7	Tin học văn phòng	
8	Sửa chữa, lắp ráp máy tính	
9	Kỹ thuật nấu ăn	
10	Các nghề khác....	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở LĐ-TB&XH (để b/c);
- Lưu: VT, BHTN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lò Thị Anh Hoa